

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15-7-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Đạo.

Ông Phan Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Đông, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lộc Thị H, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn V1, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lộc Minh T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn V2, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lộc Thị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lộc Thị H và anh Lộc Minh T trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 27/11/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau đi làm thuê ở tỉnh Bắc Giang, có hạnh phúc được một thời gian ngắn. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn,

nguyên nhân là do hai bên không hợp nhau về quan điểm sống, anh Lộc Minh T không chịu tu chí làm ăn, thường hay chơi cờ bạc và nghiện chơi điện tử, chị H và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, chị và con đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn V1, xã T ở cho đến nay, anh T đi làm thuê thỉnh thoảng vẫn về nhà nhưng không còn quan tâm gì đến chị và con, vợ chồng không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Hiện nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin được ly hôn với anh Lộc Minh T.

Về con chung: Chị Lộc Thị H và anh Lộc Minh T có một người con chung tên là Lộc Tiểu Q, sinh ngày 04/12/2019. Khi ly hôn chị Lộc Thị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Lộc Minh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

Về phía bị đơn, anh Lộc Minh T không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh Lộc Minh T, với đại diện thôn Vũ Thắng A, xã T và xác minh tại Công an xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đại diện gia đình bà Trịnh Thị N là mẹ đẻ của anh Lộc Minh T, đại diện thôn V1 và Công an xã T đều khẳng định anh Lộc Minh T vẫn cư trú tại thôn V1, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho mẹ của anh Lộc Minh T là bà Trịnh Thị N, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng và lập biên bản niêm yết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Lộc Minh T vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Lộc Minh T không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lộc Thị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án nguyên đơn chị Lộc Thị H đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Lộc Minh T vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

ly hôn của chị Lộc Thị H. Về con chung: Giao con chung là Lộc Tiểu Q, sinh ngày 04/12/2019 cho chị Lộc Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Lộc Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lộc Minh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Về án phí, buộc nguyên đơn chị Lộc Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lộc Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lộc Minh T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V1, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Lộc Minh T vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lộc Minh T là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lộc Thị H và anh Lộc Minh T là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn nên quan hệ hôn nhân giữa chị Lộc Thị H và anh Lộc Minh T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H không tu chí làm ăn, chơi cờ bạc. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Lộc Thị H và anh Lộc Minh T thấy rằng: Anh Lộc Minh T không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến về việc chị Lộc Thị H có đơn xin ly hôn với anh. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Hải và anh Tuấn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lộc Thị H yêu cầu ly hôn với anh Lộc Minh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Có một người con chung tên là Lộc Tiểu Q, sinh ngày 04/12/2019. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Lộc Minh T vắng mặt, không có ý kiến gì. Hiện nay cháu Lộc Tiểu Q đang ở cùng chị Lộc Thị H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lộc Thị H, giao con chung tên là Lộc Tiểu Q, sinh ngày 04/12/2019 cho chị Lộc Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18

tuổi), anh Lộc Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Lộc Thị H không yêu cầu là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị Lộc Thị H trình bày là không có, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Lộc Minh T vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Lộc Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Lộc Thị H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0001003 ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lộc Thị H. Xử cho chị Lộc Thị H được ly hôn với anh Lộc Minh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Lộc Tiểu Q, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2019 cho chị Lộc Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lộc Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lộc Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lộc Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Lộc Thị H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án

phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0001003 ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lộc Thị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Lộc Minh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã T, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Đạo

Phan Văn Trường

Dương Thị Ngọc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã T, huyện Bắc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Ngọc